

Thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện

Phạm Thị Hồng Tâm*

Nhận ngày 25 tháng 8 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 11 năm 2024.

Tóm tắt: Khi một hợp đồng được thiết lập trên cơ sở tự do ý chí, các bên phải bị ràng buộc với các thỏa thuận của họ (sanctity of contract). Kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên liên quan sẽ phát sinh nghĩa vụ theo những thỏa thuận đã được thống nhất hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành. Bộ luật Dân sự (BLDS) của Việt Nam cho phép các bên chủ thể được tự do thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. Tuy vậy, việc thỏa thuận này cụ thể như thế nào lại có nhiều quan điểm khác nhau, chưa có sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận. Bài viết phân tích thực trạng pháp luật về thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, chỉ ra những bất cập trong quy định của pháp luật và từ đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: Thời điểm có hiệu lực, hợp đồng, thỏa thuận, thời điểm luật định, thời điểm giao kết.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: When a contract is established based on the free will of the parties, they must be bound by their agreements (sanctity of contract). From the moment the contract takes effect, the parties involved will incur obligations according to the agreed-upon terms or in accordance with current legal regulations. The Civil Code of Vietnam allows parties to freely agree on the effective date of a contract. However, there are various perspectives on how this agreement should be formulated, and there is no consensus in understanding and applying the provisions regarding the effective date of contracts as agreed upon by the parties. This article analyzes the current legal situation concerning the agreement on the effective date of contracts, identifies shortcomings in existing legal regulations, and recommends improvements to the law on this issue.

Keywords: Effective date, contract, agreement, statutory timeframe, moment of conclusion.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự nói chung và pháp luật hợp đồng nói riêng là sự tự thỏa thuận và tự định đoạt (Quốc hội, 2015, Điều 3). Khi nhà làm luật trao cho các bên có quyền tự do thỏa thuận, thì các bên có quyền tự do thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, đây có thể là một thời điểm cụ thể, một sự kiện pháp lý xác định. Kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, mỗi bên bị ràng buộc với bên kia, từ đó xác định trách nhiệm của các bên và sự vi phạm hợp đồng. BLDS của Việt Nam quy định rõ ràng về các thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết, thời điểm các bên thỏa thuận hoặc thời điểm luật liên quan có quy định khác (Quốc hội, 2015, Điều 3 Khoản 1). Hợp đồng có hiệu lực vào những thời điểm khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp trong những hoàn cảnh cụ thể. Trong những trường hợp các bên tự mình thỏa thuận đặt ra thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì hợp đồng có hiệu lực vào thời điểm được ấn định theo sự thỏa thuận

* Trường Đại học Phan Thiết.
Email: pthtam@upt.edu.vn

của các bên. Thông thường, thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thường được ghi nhận trong điều khoản về hiệu lực của hợp đồng và việc thỏa thuận này chỉ đặt ra trong trường hợp hợp đồng đã được giao kết nhưng các bên cần có một khoảng thời gian để rà soát lại hợp đồng hoặc để chuẩn bị tốt nhất cho quá trình thực hiện hợp đồng. Các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực do luật định hoặc thời điểm khác thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực do luật định.

Tuy nhiên, hiện nay pháp luật dân sự Việt Nam chưa có quy định cụ thể, rõ ràng về việc: các bên có được thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm giao kết hay không, thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm luật định thì có thuộc trường hợp vi phạm điều cấm của luật hay không... Điều này đã dẫn đến một số quan điểm trái chiều trong cộng đồng nghiên cứu pháp luật. Có thể kể đến một số công trình như: Đinh Trung Tụng (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015*, Quyển 2, Nxb. Tư pháp; Lê Minh Hùng (2010), *Hiệu lực của hợp đồng theo qui định của pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh... Các tác giả cho rằng, quan hệ hợp đồng chỉ được xem là có sự xác lập khi ý chí, ý định của các bên tham gia quan hệ có sự tương đồng, thống nhất hoàn toàn với nhau. Vì vậy, các bên không thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm các bên giao kết (ký) hợp đồng được, vì như vậy trái với bản chất của hợp đồng. Ngược lại với các quan điểm trên, trong cuốn Đỗ Văn Đại (2020), *Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án - Tập 2*, Nxb. Hồng Đức, tác giả cho rằng thời điểm hợp đồng có hiệu lực trước thời điểm giao kết nếu các bên thống nhất thời điểm này xảy ra trước thời điểm giao kết. Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận này không vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội thì thỏa thuận này được chấp nhận.

Bài viết này nhằm mục đích phân tích quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo thỏa thuận, đồng thời xem xét những quan điểm trái chiều trong việc xác định thời điểm này. Thông qua việc đánh giá các khía cạnh của thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực và phân tích các lập luận từ các ý kiến khác nhau, bài viết sẽ đưa ra quan điểm riêng nhằm tạo ra những gợi mở thiết thực, hướng đến một cái nhìn thống nhất hơn về vấn đề này. Từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật, đảm bảo tính rõ ràng và minh bạch trong việc áp dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên trong việc thực hiện hợp đồng.

2. Thực trạng pháp luật về thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng

2.1. Các bên thỏa thuận thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực do luật định

Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng được xác định theo nguyên tắc chung của luật hợp đồng trên cơ sở tôn trọng sự tự do ý chí của các bên tham gia quan hệ hợp đồng. Khi các bên giao kết hợp đồng, các bên tham gia không nhất thiết phải thỏa thuận về tất cả các điều khoản trong hợp đồng, nhưng phải thống nhất về những điều khoản cơ bản mang bản chất cốt lõi của hợp đồng. Điều khoản về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng không phải là điều khoản cơ bản của hợp đồng, bởi lẽ nếu các bên không thỏa thuận về điều khoản này thì hợp đồng vẫn được giao kết. Trong trường hợp, nếu các bên có thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội thì pháp luật tôn trọng thỏa thuận của các bên.

Nếu các bên thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trùng với thời điểm giao kết hợp đồng thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết. Thời điểm giao kết

hợp đồng là thời điểm kết thúc quá trình thoả thuận, tức là tại thời điểm này các bên đã đạt được sự thống nhất về các nội dung của hợp đồng. Do đó, đây chính là thời điểm sự thoả thuận của các bên có giá trị pháp lý, tức là hợp đồng phát sinh hiệu lực pháp luật. Ví dụ: trong một điều khoản của hợp đồng, bên mua và bên bán thoả thuận hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản. Thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trong trường hợp này trùng với thời điểm giao kết hợp đồng.

Nếu các bên có thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm có hiệu lực do luật định thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm do luật định. Theo đó, trong một số trường hợp, sẽ có những hợp đồng chưa có giá trị pháp lý vào thời điểm giao kết mà chỉ phát sinh hiệu lực pháp luật tại thời điểm luật liên quan có quy định. Do đó, các bên có thể thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trùng với thời điểm luật liên quan có quy định. Ví dụ: trong hợp đồng, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng bất động sản thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm hợp đồng được công chứng tại văn phòng công chứng. Thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trong trường hợp này trùng với thời điểm Luật Đất đai quy định (Quốc hội, 2024, Điều 27 Khoản 3 điểm d).

2.2. Các bên thoả thuận thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là thời điểm khác với thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực do luật định

Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm mà kể từ đó các bên trong hợp đồng buộc phải thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết. Trong thực tế, có rất nhiều trường hợp, mặc dù hợp đồng đã được coi là giao kết nhưng vẫn chưa có sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa các bên nếu hợp đồng đó chưa đến thời điểm có hiệu lực. Bởi lẽ, khi các bên đàm phán, soạn thảo hợp đồng, các bên có thể thoả thuận thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là thời điểm khác với thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực do luật định. Ví dụ: Hợp đồng mua bán hàng hóa được công ty bán ấn định, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa là thời điểm bên công ty bán nhận được đặt cọc hợp đồng. Khi tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa, bên mua hàng chấp nhận điều khoản này thì được xem xét là hai bên đã thống nhất về ý chí với điều khoản hiệu lực nói trên. Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa, Luật Thương mại năm 2005 không quy định khác về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. Vậy nên, hợp đồng mua bán hàng hóa sẽ có hiệu lực từ thời điểm các bên thoả thuận (bên bán nhận được đặt cọc hợp đồng) nói trên thay vì thời điểm giao kết hoặc thời điểm luật định khác.

Trong thực tiễn, việc các bên thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm giao kết hợp đồng cũng diễn ra khá phổ biến, chẳng hạn như các bên thoả thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm giao kết hợp đồng¹ hoặc sau thời điểm giao kết hợp đồng... Hợp đồng có hiệu lực vào nhiều thời điểm khác nhau, tùy vào căn cứ xác định thời điểm có hiệu lực và theo từng trường hợp cụ thể khác nhau. Nếu căn cứ vào sự thoả thuận của các bên trong hợp đồng thì trừ trường hợp các bên thoả thuận hợp đồng có hiệu lực vào thời điểm giao kết, hợp đồng có hiệu lực vào thời điểm luật định thì hợp đồng có hiệu lực vào một trong các thời điểm sau đây:

- Nếu các bên thoả thuận hợp đồng có hiệu lực vào ngày cụ thể thì hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm bắt đầu của ngày đó. Ví dụ: Trong hợp đồng các bên đã thoả thuận Hợp đồng có hiệu lực vào ngày 15/05/2024 thì hợp đồng đó sẽ có hiệu lực từ lúc 0 giờ ngày 15/05/2024.

¹ Bản án số 242/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-bao-hiem-bao-hiem-chay-no-bat-buoc-so-2422020kdtmpt-262414>, truy cập ngày 01/8/2024.

- Các bên loại trừ một cách có chú ý hiệu lực của các tuyên bố giao kết hợp đồng (Schmidt Johanna, 2024: 123). Ví dụ: mặc dù các bên đã giao kết xong toàn bộ nội dung của hợp đồng, nhưng lại đưa ra điều khoản xác nhận hiệu lực: “cho đến khi hợp đồng này được phê chuẩn của người có thẩm quyền của công ty, hoặc cho đến khi được lãnh đạo của hai công ty ký kết chính thức...”. Hệ quả pháp lý của việc này là hợp đồng chỉ có thể phát sinh hiệu lực vào thời điểm được xác định kể trên. Trong các bộ nguyên tắc về hợp đồng quốc tế cũng có các điều khoản để dự liệu về những trường hợp này, chẳng hạn như theo Điều 2.1.13 PICC, các bên có thể xác nhận việc giao kết hợp đồng phụ thuộc vào sự thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến hình thức hay nội dung của hợp đồng.

- Nếu các bên có thỏa thuận về sự kiện là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thì hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm xảy ra sự kiện đó. Để hợp đồng có điều kiện phát sinh thì các bên phải thống nhất với nhau về hợp đồng nhưng sự hình thành hợp đồng còn phụ thuộc vào điều kiện xảy ra trong tương lai mà các bên thỏa thuận. Ở đây, tất cả đã sẵn sàng nhưng hợp đồng chưa phát sinh vì sự phát sinh của hợp đồng lệ thuộc vào một yếu tố chưa xảy ra. Theo quy định tại Điều 120 BLDS năm 2015: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về điều kiện phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự thì khi điều kiện đó xảy ra, giao dịch dân sự phát sinh hoặc hủy bỏ”. Hoặc khoản 6 Điều 402 BLDS năm 2015 quy định: “Hợp đồng có điều kiện là hợp đồng mà việc thực hiện phụ thuộc vào việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một sự kiện nhất định”. Do đó, nếu “điều kiện hoặc sự kiện” không xảy ra thì hợp đồng không được thực hiện hay nói cách khác là không phát sinh hiệu lực. “Điều kiện” mà các bên thỏa thuận là yếu tố làm ảnh hưởng đến tính hiệu lực của hợp đồng nếu các bên thỏa thuận đó là sự kiện làm phát sinh hiệu lực hợp đồng. Do đó, đối với hợp đồng có điều kiện thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm xảy ra sự kiện làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng. Đây là trường hợp đặc biệt của việc xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo thỏa thuận vì suy cho cùng, thời điểm có hiệu lực phụ thuộc vào thời điểm xảy ra sự kiện do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Ví dụ: A thỏa thuận bán cho B vườn đào tết. Hai bên đã lập và cùng ký vào văn bản mua bán nhưng trong văn bản hợp đồng mua bán đó, các bên đã thỏa thuận rằng hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu vườn đào ra nụ trước tháng Chạp âm lịch thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng này là thời điểm vườn đào ra nụ trước tết ít nhất 1 tháng.

3. Một số bất cập khi xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo sự thỏa thuận của các bên

Chúng ta đều biết rằng, hợp đồng là căn cứ xác lập nghĩa vụ. Tuy nhiên, nghĩa vụ chỉ được xác lập từ hợp đồng nếu hợp đồng đó được giao kết hợp pháp và nghĩa vụ cũng chỉ xác lập từ thời điểm hợp đồng đó có hiệu lực. Vì thế, việc xác định hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm nào là vấn đề quan trọng đối với các bên liên quan đến hợp đồng đó. Chẳng hạn, trong hợp đồng bảo hiểm thì rủi ro xảy ra trong thời hạn có hiệu lực của hợp đồng (thời hạn có hiệu lực của hợp đồng được xác định từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng đến thời điểm hợp đồng chấm dứt) mới được coi là sự kiện bảo hiểm và theo đó bên bảo hiểm mới phải chi trả tiền bảo hiểm cho bên được bảo hiểm. Vậy một câu hỏi đặt ra là các bên có thể thỏa thuận thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là thời điểm khác với thời điểm giao kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực do luật định trong mọi trường hợp hay không và nếu không thì có những giới hạn nào.

3.1. *Thỏa thuận thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là thời điểm khác với thời điểm giao kết hợp đồng*

BLDS năm 2015 cho phép các bên thỏa thuận thời điểm có hiệu lực khác với thời điểm giao kết, tuy nhiên không quy định rõ là thời điểm này có thể diễn ra trước hay sau thời điểm giao kết. Chính bởi vậy, trong khoa học pháp lý còn có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, quan hệ hợp đồng chỉ được xem là có sự xác lập khi ý chí, ý định của các bên tham gia quan hệ có sự tương đồng, thống nhất hoàn toàn với nhau. Hợp đồng chính là sản phẩm của sự “gặp gỡ” ý chí, ý định của các tham gia quan hệ (Đinh Trung Tụng, 2021: 121). Vì vậy, các bên không thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm các bên giao kết (ký) hợp đồng được, vì như vậy trái với bản chất của hợp đồng (Phạm Văn Lợi, 2018: 17; Lê Minh Hùng, 2010: 91).

Quan điểm thứ hai đi ngược lại với các quan điểm trên, các tác giả cho rằng, thời điểm hợp đồng có hiệu lực trước thời điểm giao kết nếu các bên thống nhất thời điểm này xảy ra trước thời điểm giao kết, xuất phát từ một trong các nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt của chế định hợp đồng là “tự do thỏa thuận”. Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận này không vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội thì thỏa thuận này được chấp nhận (Đỗ Văn Đại, 2020: 374-375).

Tác giả cho rằng, quan điểm thứ nhất là phù hợp. Bởi lẽ:

Một là, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm giao kết hợp đồng hay không. Việc các bên thỏa thuận thời điểm có hiệu lực diễn ra trước thời điểm giao kết đặt ra vấn đề pháp lý phức tạp. Thực tiễn cho thấy, trong một số trường hợp, các bên thực hiện hợp đồng trước thời điểm ký kết hợp đồng. Khi tiến hành ký kết hợp đồng, thường có điều khoản rằng: “Hợp đồng có hiệu lực trước thời điểm ký kết hợp đồng, các bên phải thanh toán các nghĩa vụ đã phát sinh từ trước đó”. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, thỏa thuận này không hoàn toàn phản ánh thời điểm có hiệu lực của hợp đồng do các bên thỏa thuận trước thời điểm hợp đồng được ký kết, mà thực chất thể hiện sự thỏa thuận ngầm giữa các bên về việc đã thực hiện hợp đồng. Do đó, trong trường hợp này cần xem xét thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thực hiện hợp đồng và thỏa thuận trong hợp đồng như trên chỉ là điều khoản xác nhận lại việc thực hiện hợp đồng của các bên. Như vậy, việc xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận là vấn đề phức tạp, cần được nghiên cứu và xem xét cẩn trọng nhằm bảo đảm tính minh bạch và phản ánh đúng bản chất của thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng giữa các bên.

Hai là, về cơ bản, pháp luật tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Do đó, về mặt pháp lý, thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội sẽ được công nhận và thực hiện. Tuy nhiên, thỏa thuận đó cũng phải phù hợp với bản chất của hợp đồng, với logic thông thường và tôn trọng sự thật khách quan là thời điểm có hiệu lực của hợp đồng không thể xảy ra trước thời điểm giao kết. Đồng thời, việc thỏa thuận này không nhằm mục đích “lẩn tránh” pháp luật thì thỏa thuận đó mới có thể phát sinh hiệu lực. Để xác lập một hợp đồng, các bên phải tiến hành thỏa thuận đi đến thống nhất và giao kết hợp đồng, đây là tiến trình khách quan của bất cứ hợp đồng nào. Nếu thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm giao kết sẽ đi ngược lại với tiến trình đó. Bởi vì, kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết thì các bên mới thỏa thuận xong nội dung của hợp đồng, bao gồm quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Khi hiệu lực hợp đồng xảy ra trước thời điểm giao kết thì sẽ không xác định được cơ sở nào hợp đồng tạo nên sự ràng buộc, bởi nội dung thỏa thuận

trước đó chưa tồn tại. Ví dụ: Bảo hiểm cháy nổ là bảo hiểm bắt buộc. Theo quy định của pháp luật, nếu việc mua bảo hiểm bị ngăn quãng, người mua sẽ bị phạt hành chính. Để tránh bị xử phạt, các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm đã thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm giao kết hợp đồng. Đây là một vụ việc thực tế xảy ra và sau này chính các bên có tranh chấp về thời điểm thỏa thuận này (Bản án số 242/2020/KDTM-PT). Thỏa thuận này vi phạm bản chất của hợp đồng nên thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng trước thời điểm giao kết không hợp pháp.

Từ những phân tích trên, theo quan điểm của tác giả thì pháp luật nên cho phép các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, nhưng không được lùi ngược về trước, sớm hơn thời điểm giao kết hoặc sớm hơn thời điểm có hiệu lực của hợp đồng do pháp luật quy định.

3.2. Thỏa thuận thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là thời điểm khác với thời điểm có hiệu lực do luật định

Với tư cách là nguyên tắc nền tảng của pháp luật hợp đồng, tự do hợp đồng được thể hiện là: (i) Các bên có quyền tự do quyết định có giao kết hay không giao kết hợp đồng, (ii) Tự do quyết định giao kết hợp đồng với bất kỳ chủ thể nào và (iii) Tự do thiết kế các điều khoản ràng buộc các bên. Mặt khác, tự do hợp đồng còn được nhấn mạnh khía cạnh loại trừ sự can thiệp của Nhà nước vào nội dung của hợp đồng (Đỗ Giang Nam, 2020), đồng nghĩa với việc từ bỏ mọi áp đặt từ phía cơ quan quyền lực Nhà nước trong việc xác lập và thực hiện hợp đồng. Do đó, có hai quan điểm về thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm luật định.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, kể cả trong trường hợp luật có quy định mà các bên có thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng sẽ được xác định theo thỏa thuận của các bên (Lê Minh Hùng, 2010: 122). Từ “hoặc” trong cụm từ “trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác” của BLDS năm 2015 theo quan điểm này không được hiểu là thời điểm có hiệu lực theo quy định của luật liên quan được ưu tiên trước thỏa thuận các bên chủ thể. Ví dụ: trường hợp hợp đồng đã công chứng mà các bên thỏa thuận hợp đồng có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày công chứng thì hợp đồng sẽ phát sinh hiệu lực kể từ ngày mà các bên thỏa thuận.

Quan điểm thứ hai cho rằng, thời điểm luật quy định là thời điểm đã được ấn định và các bên không được phép thỏa thuận khác, bởi lẽ thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là một thỏa thuận riêng, không thuộc về nội dung hợp đồng nên nó phải tuân theo các quy phạm mệnh lệnh đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật, nếu thỏa thuận khác với quy định của luật thì thỏa thuận đó là thỏa thuận trái luật (Phạm Văn Tuyết, 2011: 53). Theo quan điểm này, nếu trong trường hợp các bên có thỏa thuận và thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thì thời điểm hợp đồng có hiệu lực sẽ là thời điểm do các bên thỏa thuận, nếu luật liên quan có quy định khác (quy định về điều kiện hợp đồng có hiệu lực phải được lập bằng văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải vào sổ đăng ký) thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng sẽ dựa trên quy định của luật liên quan (thời điểm các bên hoàn tất các thủ tục công chứng, chứng thực hay kể từ thời điểm đăng ký tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất). Theo nhóm quan điểm này, cụm từ “trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác” trong BLDS năm 2015 sẽ được hiểu theo hướng nếu luật có liên quan quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì sẽ

ưu tiên áp dụng theo quy định của luật đó, cho dù sự thỏa thuận các bên trong hợp đồng về thời điểm này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Ví dụ: hợp đồng phải công chứng có hiệu lực từ thời điểm công chứng và hợp đồng có đăng ký có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký.

Tác giả đồng ý với quan điểm thứ hai. Tác giả cho rằng cần hiểu quy định này theo hướng mặc dù tôn trọng sự thỏa thuận của các chủ thể là nguyên tắc của pháp luật dân sự (Quốc hội, 2015, Điều 3 Khoản 2) nhưng không phải mọi sự thỏa thuận đều được tôn trọng. Nói cách khác, thỏa thuận của chủ thể chỉ được thừa nhận và tôn trọng nếu không trái luật. Ở đây, các nhà làm luật đã quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm luật định chính là thể hiện sự giới hạn xử sự của các chủ thể khi xác lập điều khoản về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo luật định, chẳng hạn như yêu cầu chủ thể phải thực hiện một số thủ tục nhất định như công chứng, chứng thực, đăng ký... Do đó, nếu thời điểm có hiệu lực của hợp đồng do pháp luật quy định thì đây được coi là mệnh lệnh và các bên không thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm này.

Như vậy, BLDS năm 2015 khi quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng đã cho các bên có thể lựa chọn thời điểm mà hợp đồng có hiệu lực. Tuy nhiên, BLDS chưa dự liệu hết những tình huống có thể xảy ra nên khi các bên có thỏa thuận về vấn đề này và điều đó đã dẫn đến một số khó khăn nhất định. Bởi vì, quy định của Điều luật thiếu tính bao quát cho các trường hợp sẽ xảy ra nên nhiều trường hợp thiếu cơ sở giải quyết như: khi có sự thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác thời điểm giao kết, thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm luật định như đã phân tích ở trên.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận

Xuất phát từ một trong các nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt của chế định hợp đồng là tự do thỏa thuận, nên pháp luật dân sự cho phép các bên thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. Tuy vậy, việc thỏa thuận này cụ thể như thế nào lại có nhiều quan điểm khác nhau như đã phân tích tại mục 3 của bài viết. Tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã đề ra nhiệm vụ phải “Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự theo hướng thống nhất, đồng bộ” (Ban Chấp hành Trung ương, 2017). Do đó, cần có sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận, tác giả cho rằng cần phải làm sáng tỏ các vấn đề sau:

(i) Các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm giao kết, thời điểm luật định hay không?

(ii) Nếu có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với hai loại thời điểm trên thì thỏa thuận này có giới hạn hay không.

Để trả lời những câu hỏi này, cần phân biệt sự khác nhau giữa các trường hợp sau:

Thứ nhất, các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng muộn hơn thời điểm giao kết. Trường hợp này về nguyên tắc là pháp luật không cấm thì các chủ thể được quyền thực hiện. Thực tiễn pháp lý cho thấy, các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng lùi về sau thời điểm hợp đồng được giao kết. Thời điểm này có thể được xác định bằng một mốc thời gian, một sự kiện pháp lý có thể xảy ra trong tương lai...

Thứ hai, các bên không thể thỏa thuận lùi thời điểm có hiệu lực của hợp đồng về trước, sớm hơn thời điểm giao kết. Về cơ bản, pháp luật tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Do đó,

về mặt pháp lý, thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội sẽ được công nhận và thực hiện. Tuy nhiên, thỏa thuận đó cũng phải phù hợp với bản chất của hợp đồng, với logic thông thường và tôn trọng sự thật khách quan là thời điểm có hiệu lực của hợp đồng không thể xảy ra trước thời điểm giao kết. Đồng thời, việc thỏa thuận này không nhằm mục đích “lẩn tránh” pháp luật thì thỏa thuận đó mới có thể phát sinh hiệu lực.

Cần có sự phân biệt thỏa thuận dời ngày có hiệu lực của hợp đồng về trước với việc ghi lùi ngày ký hợp đồng. Trong đó, việc ghi lùi ngày ký hợp đồng về trước là việc các bên đã tiến hành giao kết hợp đồng, nhưng có thể sau đó các bên tiến hành giao kết hợp đồng bằng văn bản nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật hoặc đảm bảo có chứng cứ trong giao kết hợp đồng. Trong trường hợp này, nếu các bên không có tranh chấp và không xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người thứ ba, thì hợp đồng này phát sinh hiệu lực và pháp luật không cần điều chỉnh. Ví dụ: Ngày 15/6/2024, A cho B thuê nhà với thời hạn 01 năm, hai bên thỏa thuận bằng miệng. A và B thỏa thuận hợp đồng phát sinh hiệu lực vào ngày 01/7/2024 là ngày B dọn vào nhà của A. Để hợp thức hóa giấy tờ và làm thủ tục nộp thuế, đến ngày 30/7/2024 các bên tiến hành lập hợp đồng thuê nhà bằng văn bản và ghi lùi ngày ký hợp đồng về trước đúng với thời điểm 2 bên thỏa thuận phát sinh hiệu lực hợp đồng là ngày 01/7/2024. Nhưng nếu việc lùi ngày ký hợp đồng sớm hơn về trước ngày thực tế giao kết hợp đồng (trước ngày 15/6/2024) nhằm lập hợp đồng giả tạo, nhằm lẩn tránh pháp luật, hoặc vi phạm điều cấm của pháp luật mà các bên có tranh chấp, thì hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu theo quy định chung. Ví dụ: các bên thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm lùi thời điểm về trước thời điểm sự kiện bảo hiểm phát sinh nhằm trục lợi bảo hiểm.

Thứ ba, các bên không thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm luật định. Như đã phân tích, tác giả cho rằng mặc dù về nguyên tắc, pháp luật dân sự tôn trọng sự thỏa thuận của các bên trong giao kết hợp đồng nhưng sự thỏa thuận này không được trái với pháp luật (Quốc hội, 2015, Điều 3 Khoản 2). Do đó, nếu thời điểm có hiệu lực của hợp đồng đã được luật định thì đây chính là sự giới hạn xử sự của các chủ thể khi xác lập điều khoản về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng phải theo quy định của luật, chẳng hạn như yêu cầu chủ thể phải thực hiện một số thủ tục nhất định như công chứng, chứng thực, đăng ký... Các bên không thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm này.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị bổ sung quy định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận và thiết kế thành khoản 2 Điều 401 BLDS năm 2015 như sau:

“2. Các bên có thể thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là một thời điểm xác định, nhưng không được trước thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 400 của Bộ luật này. Nếu luật có quy định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì các bên không được thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm này”.

Với quy định này, các bên được thỏa thuận thời điểm có hiệu lực của hợp đồng khác với thời điểm giao kết hợp đồng, nhưng không được sớm hơn (“hồi tố”) thời điểm giao kết, để đảm bảo tôn trọng sự thật khách quan và tránh những rủi ro pháp lý. Nếu luật đã quy định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì các bên chỉ có thể thỏa thuận thời điểm này trùng với thời điểm luật định, mà không được thỏa thuận khác với thời điểm này.

Bên cạnh các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm thỏa thuận của các bên, thì các tranh chấp về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng

nói chung và tranh chấp về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận nói riêng trong đời sống luôn phát sinh và biến đổi không ngừng. Do đó, việc chọn lọc thêm án lệ về vấn đề này là rất cần thiết. Để đảm bảo việc áp dụng pháp luật đồng nhất và nâng cao hiệu quả thực tiễn, việc Tòa án nhân dân tối cao ban hành các án lệ liên quan đến thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là một bước quan trọng. Điều này sẽ giúp tăng cường sự hiểu biết và thực thi một cách đồng nhất pháp luật trong thực tiễn.

4. Kết luận

Việc xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng đóng vai trò quan trọng trong xác định thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đánh giá thực trạng pháp luật về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận cho thấy pháp luật tôn trọng sự thỏa thuận của các bên nhưng hiện nay pháp luật chưa chỉ rõ giới hạn đối với sự thỏa thuận này dẫn đến những quan điểm trái chiều nhau trong xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm các bên thỏa thuận trước thời điểm giao kết và trái với thời điểm luật định. Trong bối cảnh hiện tại, việc thiếu quy định rõ ràng có thể gây khó khăn trong việc áp dụng và thực thi hợp đồng, đồng thời ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên tham gia. Sự không thống nhất trong quan điểm này cần được xem xét kỹ lưỡng để tạo ra một cơ chế pháp lý vững chắc, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong các giao dịch dân sự. Chính vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm do các bên thỏa thuận là rất cần thiết, nhằm khắc phục những bất cập của BLDS năm 2015 và tạo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương. (2017). *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Bản án số 242/2020/KDTM-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-ve-tranh-chap-hop-dong-bao-hiem-bao-hiem-chay-no-bat-buoc-so-2422020kdtmpt-262414>;

Đinh Trung Tụng. (chủ biên, 2021). *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, Quyển 2. Nxb. Tư pháp.

Đỗ Giang Nam. (2020). Từ công bằng thủ tục đến công bằng nội dung: Thành tựu và thách thức của chế định kiểm soát điều khoản mẫu trong pháp luật Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*. Số 06 (406).

Đỗ Văn Đại. (2020). *Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*. t.2. Nxb. Hồng Đức.

Lê Minh Hùng. (2010). *Hiệu lực của hợp đồng theo qui định của pháp luật Việt Nam*. [Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh].

Phạm Văn Lợi. (2018). Bàn về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. *Tạp chí Nghề luật*. Số 6.

Phạm Văn Tuyết. (2011). Các thời điểm trong hợp đồng dân sự. *Tạp chí Luật học*. Số 5.

Quốc hội. (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*.

Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.

Quốc hội. (2024). *Luật Đất đai số 31/2024/QH15*.

Schmidt Johanna. (2024). *Thư bày tỏ ý định giao kết hợp đồng*. Kỷ yếu hội thảo: “Hợp đồng thương mại quốc tế”. Hà Nội.